

Số: ~~4398~~/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày ~~03~~ tháng ~~9~~ năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung Thị trấn Phùng đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000.
Địa điểm: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 27/4/2012 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đan Phượng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị trấn Phùng đến năm 2030, tỷ lệ 1/5.000;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3389/TTr-QHKT-P1+P7 ngày 05/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Phùng, tỷ lệ 1/5000 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án:

- Quy hoạch chung thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000.

- Địa điểm: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí, ranh giới và quy mô nghiên cứu quy hoạch:

2.1. Vị trí:

Khu vực lập quy hoạch là thị trấn Phùng thuộc địa giới hành chính huyện Đan Phượng, nằm trên quốc lộ 32, cách Trung tâm thành phố Hà Nội khoảng 20 km về phía Tây Bắc.

2.2. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi ranh giới nghiên cứu quy hoạch được xác định trên cơ sở ranh giới quản lý hành chính hiện nay của thị trấn Phùng, giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng;
- Phía Nam giáp xã Song Phượng, huyện Đan Phượng;
- Phía Tây giáp xã Đồng Tháp, Phương Đình, huyện Đan Phượng;
- Phía Đông giáp huyện Hoài Đức.

2.3. Quy mô nghiên cứu quy hoạch:

- Quy mô diện tích: khoảng 293,7 ha.
- Quy mô dân số:
 - + Dân số hiện trạng năm 2013: 9.813 người.
 - + Dân số quy hoạch đến năm 2020: 11.000 người.
 - + Dân số quy hoạch đến năm 2030: 12.000 người.

3. Mục tiêu, tính chất của khu vực lập quy hoạch:

- Cụ thể hoá các định hướng phát triển của Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển đô thị.

- Định hướng phát triển không gian đô thị phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đan Phượng nói chung và thị trấn Phùng nói riêng.

- Hình thành trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa của huyện Đan Phượng để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nông thôn, đẩy mạnh phát triển các chức năng về công cộng, y tế, giáo dục, thương mại và văn hóa.

- Hình thành và phát triển không gian đô thị, đề xuất các chỉ tiêu kiểm soát phát triển đô thị, đề xuất các phương án sử dụng hợp lý, tạo lập môi trường sống văn minh, hiện đại phù hợp với đặc điểm cảnh quan, môi trường khu vực.

- Quy hoạch xây dựng mới gắn với việc cải tạo nâng cấp các khu vực hiện có, khớp nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc nâng cao điều kiện môi trường sống, cảnh quan chung. Giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử của đô thị; Bảo vệ môi trường thiên nhiên; Kiểm soát và hướng dẫn quản lý cảnh quan kiến trúc đô thị.

- Xác định khung kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

- Làm cơ sở tổ chức lập quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong đô thị.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Định hướng phát triển không gian đô thị:

Định hướng phát triển không gian đô thị phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đan Phượng.

a) Khu vực phát triển đô thị:

- Định hướng phát triển không gian đô thị phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đan Phượng nói chung và thị trấn Phùng nói riêng.

- Hình thành trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa của huyện Đan Phượng để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nông thôn, đẩy mạnh phát triển các chức năng về công cộng, y tế, giáo dục, thương mại và văn hóa.

- Hình thành không gian đô thị với các chỉ tiêu kiểm soát phát triển về chức năng đô thị, mật độ xây dựng, chiều cao công trình và hình thái kiến trúc phù hợp với đặc điểm cảnh quan, môi trường trong khu vực hành lang xanh.

- Phát triển cơ cấu kinh tế: Thương mại - Dịch vụ - Du lịch.

- Khai thác tiềm năng về điều kiện tự nhiên và lợi thế về giao thông đường bộ để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch.

- Nâng cấp, bổ sung quỹ đất bố trí cho các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ dân cư đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị.

- Cải tạo, chỉnh trang các khu vực dân cư làng xóm hiện hữu, bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ quan công sở cũ xuống cấp hoặc không đủ diện tích theo quy định, xây dựng trung tâm hành chính theo hướng đồng bộ, hiện đại.

- Di dời trụ sở của UBND Thị trấn ra ngoài khu vực dân cư hiện có về khu vực tập trung các công trình công cộng hành chính được quy hoạch đồng bộ, hiện đại về kiến trúc cảnh quan góp phần tạo sự hài hòa với không gian xung quanh, dành quỹ đất sau khi di dời để bổ sung các công trình hạ tầng công cộng phục vụ người dân trong khu vực dân cư hiện hữu.

b) Khu vực ngoài phạm vi phát triển đô thị:

- Phát triển hệ thống giao thông đô thị kết nối đến các điểm dân cư làng xóm hiện hữu với các khu vực lân cận.

- Bổ sung quỹ đất xây dựng khu vực công viên cây xanh TDTT, trường học, công cộng... bổ trợ cho khu vực phát triển đô thị, phục vụ chung cho toàn Thị trấn đáp ứng nhu cầu sinh hoạt dân cư.

- Xác định các vùng sản xuất nông nghiệp.

4.2. Quy hoạch sử dụng đất:

4.2.1. Các nguyên tắc quy hoạch sử dụng đất:

- Cơ bản tuân thủ định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tuân thủ các điều kiện không chế về hành lang bảo vệ các công trình kỹ thuật, an ninh quốc phòng, di tích, danh lam thắng cảnh theo quy định.

- Cân đối quỹ đất, đảm bảo nhu cầu cho phát triển đô thị. Trong đó, chú trọng giải quyết các nhu cầu phát triển hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của địa phương.

4.2.2. Quy hoạch sử dụng đất:

Cơ cấu sử dụng đất theo giai đoạn:

a) Giai đoạn đến năm 2020:

- * Đất khu vực phát triển đô thị: khoảng 147,80 ha, trong đó:
 - Đất dân dụng: khoảng 91,35 ha.
 - Đất khác trong phạm vi dân dụng: khoảng 1,0 ha.
 - Đất ngoài khu dân dụng: khoảng 55,45 ha.
- * Đất ngoài khu vực phát triển đô thị: khoảng 124,00 ha, trong đó:
 - Đất dân dụng: khoảng 51,01 ha.
 - Đất khác trong phạm vi dân dụng: khoảng 12,06 ha.
 - Đất ngoài khu dân dụng: khoảng 60,93 ha.

b) Giai đoạn đến năm 2030:

- * Đất xây dựng đô thị: khoảng 147,80 ha, trong đó:
 - Đất dân dụng: khoảng 91,64 ha.
 - Đất khác trong phạm vi dân dụng: khoảng 21,77 ha.
 - Đất ngoài khu dân dụng: khoảng 34,39 ha.
- * Đất khu vực nông thôn: khoảng 124,00 ha, trong đó:
 - Đất dân dụng: khoảng 52,45 ha.
 - Đất khác trong phạm vi dân dụng: khoảng 12,06 ha.
 - Đất ngoài khu dân dụng: khoảng 59,49 ha.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất theo giai đoạn

STT	Loại Đất	Đến 2020 (11.000 người)			Đến 2030 (12.000 người)		
		Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên (A+B)	271,80	247,09	100	271,80	226,50	100
A	Đất trong phạm vi phát triển đô thị (10.390 người - năm 2030)	147,80	176,16	54,4	147,80	142,2	54,4
I	Đất dân dụng:	91,35	108,87	33,6	91,64	88,2	33,7
I.1	Đất đơn vị ở, nhóm ở (*)	63,00	75,09	23,2	63,00	60,6	23,2
I.2	Đất công trình công cộng cấp đô thị	11,26	13,42	4,1	11,55	11,1	4,2
I.3	Đất trường trung học phổ thông	2,27	2,71	0,8	2,27	2,2	0,8
I.4	Cây xanh cấp đô thị	6,23	7,43	2,3	6,23	6,0	2,3
I.5	Đất giao thông đô thị	8,59	10,23	3,2	8,59	8,3	3,2
II	Đất khác trong phạm vi khu dân dụng:	1,00		0,4	21,77		8,0

	Đất khu giáo dục tập trung (dự án riêng)	-	-	20,73	7,6
	Đất tôn giáo	1,00	0,4	1,04	0,4
III	Đất ngoài phạm vi dân dụng:	55,45	20,4	34,39	12,7
	Đất công nghiệp	18,80	6,9	18,74	6,9
	Đất an ninh quốc phòng	0,34	0,1	0,34	0,1
	Đất hạ tầng kỹ thuật	1,32	0,5	1,32	0,5
	Đất cây xanh cách ly	1,33	0,5	1,33	0,5
	Đất sản xuất nông nghiệp	21,00	7,7	0,00	0,0
	Đất sông, suối, mặt nước chuyên dùng	0,25	0,1	0,25	0,1
	Đất giao thông đối ngoại	12,41	4,6	12,41	4,6
B	Đất ngoài phạm vi phát triển đô thị (1.610 người – năm 2030)	124,0	45,6	124,0	45,6
	Đất dân dụng:	51,01	18,8	52,45	19,3
	Đất làng xóm nông thôn (**)	21,03	7,7	37,15	13,7
I	Đất cây xanh	16,12			
	Đất TT giáo dục thường xuyên	0,45	0,2	0,45	0,2
	Đất giao thông	13,41	4,9	14,85	5,5
	Đất khác trong phạm vi khu dân dụng:	12,06	4,4	12,06	4,4
II	Đất cơ quan, viện nghiên cứu	11,35	4,2	11,35	4,2
	Đất tôn giáo	0,71	0,3	0,71	0,2
	Đất ngoài phạm vi dân dụng:	60,93	22,4	59,49	21,9
	Đất thực hiện theo dự án riêng	-	-	32,79	12,1
	Đất cây xanh cách ly	2,92	1,1	2,92	1,1
	Đất nghĩa trang	3,20	1,2	3,20	1,2
III	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,62	0,2	0,62	0,2
	Đất nông nghiệp	43,13	15,9	8,90	3,3
	Đất sông, suối, mặt nước chuyên dùng	1,65	0,6	1,65	0,6
	Đất giao thông đối ngoại	9,41	3,5	9,41	3,5

Chú thích:

(*) Chỉ tiêu đất đơn vị ở, nhóm ở bao gồm cả đất dân cư làng xóm hiện có và đất đơn vị ở mới. Chỉ tiêu đất đơn vị ở mới $\leq 50 \text{ m}^2/\text{người}$.

(**) Bao gồm đất các công trình công cộng, dịch vụ, thương mại, thiết chế văn hóa, trường học, cây xanh TĐTT, giao thông nội bộ, đất ở làng xóm nông thôn,...

Các yêu cầu về quy hoạch sử dụng đất:

- Chức năng sử dụng đất, vị trí và ranh giới các khu đất có tính chất định hướng. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất trong đồ án quy hoạch là chỉ tiêu gộp cho các khu quy hoạch. Chức năng sử dụng đất, vị trí, ranh giới, quy mô diện tích và dân số, các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của các lô đất sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và dự án đầu tư. Quá trình lập các đồ án quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư cần tuân thủ các quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Nhà ở, Luật Đất đai..., đảm bảo phù hợp định hướng và chỉ tiêu của Quy hoạch chung, quy

hoạch chuyên ngành, lĩnh vực được phê duyệt, tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế và phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Đối với các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đã triển khai xây dựng, phù hợp với Quy hoạch chung, tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được duyệt, đảm bảo khớp nối đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khu vực. Đối với các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chưa hoàn thành các thủ tục giao đất và thực hiện đầu tư xây dựng, hoặc đang triển khai thủ tục lập dự án đầu tư, cần được kiểm tra, rà soát, điều chỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch chung thị trấn Phùng được phê duyệt, trình cấp thẩm quyền xem xét quyết định.

- Khi lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư khu đô thị mới, khu nhà ở, phải xác định quỹ nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và quy định của Thành phố.

- Đất làng xóm nông thôn bao gồm: đất công trình công cộng, dịch vụ thương mại, cây xanh TĐTT, trường học, đất ở nông thôn, đất hạ tầng kỹ thuật,...: được cải tạo, chỉnh trang theo nguyên tắc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan tự nhiên, không gian kiến trúc truyền thống, hạn chế gia tăng mật độ xây dựng, không xây dựng công trình cao tầng, không san lấp hồ, ao có giá trị cảnh quan, ưu tiên bổ sung các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cộng đồng dân cư.

- Đất quốc phòng, an ninh được thực hiện theo dự án riêng trên cơ sở quỹ đất hiện có và quy hoạch ngành được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đất di tích lịch sử văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng đã hoặc chưa được xếp hạng, quy mô diện tích và vùng bảo vệ sẽ được xác định chính xác khi lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, dự án đầu tư, biên bản khoanh vùng bảo vệ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ quy định của Luật Di sản văn hóa.

- Đất công nghiệp xí nghiệp hiện có được tiếp tục tồn tại sử dụng, nhưng phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh và không gây ô nhiễm môi trường đến các công trình xung quanh, khuyến khích sử dụng dây chuyền công nghệ hiện đại, sản xuất công nghiệp sạch. Các cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ lẻ trong đô thị được di dời đến khu công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp tập trung của Huyện và Thành phố. Quỹ đất sau khi di dời ưu tiên chuyển đổi chức năng sử dụng đất sang chức năng công cộng, hạ tầng đô thị phục vụ nhu cầu địa phương.

4.3. Thiết kế đô thị:

4.3.1. Xác định đặc trưng, bản sắc đô thị:

- Khai thác trục không gian chính, trục không gian xanh cảnh quan tạo nét đặc trưng của đô thị.

- Cấu trúc không gian của từng khu vực hiện hữu đặc thù và khu vực mới sẽ tạo nên hình ảnh riêng của đô thị trong tương lai.

- Các công trình xây dựng mới được thiết kế khuyến khích sử dụng mái dốc gắn liền với cây xanh. Xây dựng đô thị theo mô hình đô thị xanh, tăng cường mạng lưới cây xanh đa dạng.

4.3.2. Các trục cảnh quan chính:

a) Trục cảnh quan Quốc lộ 32:

Tuyến Quốc lộ 32 đã và đang là trục cảnh quan của Thị trấn; trong tương lai, tuyến đường này cũng sẽ tiếp tục đóng vai trò trục cảnh quan chính của khu vực đô thị Phùng. Dọc theo tuyến đường hình thành hai khu vực cảnh quan đẹp là Khu trung tâm Hành chính Huyện ở phía Nam và Khu trung tâm Văn hóa - Thể thao Huyện ngay tại cửa ngõ phía Đông; tại khu vực cửa ngõ phía Tây có “Tượng đài Phụ nữ ba đảm đang” và hệ thống trung tâm thương mại Tuần Quỳnh. Các yếu tố cảnh quan này sẽ tiếp tục được hoàn thiện, chỉnh trang để duy trì vai trò điểm nhấn.

b) Các trục không gian xanh:

- Tận dụng không gian hai bên trên tuyến đường Đan Hoài để tạo dựng một dải không gian xanh - mở liên hoàn đóng vai trò là trục cảnh quan kết nối cho toàn Thị trấn, là không gian giao lưu xã hội, nâng cao thể chất và tinh thần cho người dân đô thị.

- Giữ lại toàn bộ các diện tích cây xanh, mặt nước tự nhiên hiện trạng, các diện tích này sẽ tạo thành các trục xanh tự nhiên cho đô thị. Xung quanh các diện tích xanh tự nhiên này cần tiến hành cải tạo và bảo vệ môi trường tự nhiên, kè một số khu vực cần thiết để tạo các dải xanh cảnh quan cho toàn đô thị.

- Ngoài ra, tạo dựng một hệ thống không gian xanh đô thị (vườn hoa, công viên). Bổ sung một số vườn hoa, công viên khác đảm bảo phục vụ nhu cầu của các cụm dân cư trong khu vực.

4.3.3. Các điểm nhấn đô thị:

a) Cửa ngõ đô thị:

Đặt tại hai phía Đông - Tây ở hai đầu thị trấn Phùng, trên tuyến Quốc lộ 32 đã xây dựng hệ thống cổng chào. Quy mô, hình thức các công trình cổng chào sẽ được xác định theo nhu cầu của địa phương và tình hình cụ thể, tuy nhiên vẫn phải tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản như: Xây dựng ở nơi dễ nhận biết, đóng vai trò dẫn hướng; Hình thức thể hiện được tính kang trang, hiện đại và các đặc trưng cơ bản của địa phương (thị trấn Phùng và huyện Đan Phượng); Tránh dùng các vật liệu, màu sắc gây chói mắt, quá đậm ảnh hưởng đến cảnh quan chung của khu vực.

b) Các công trình điểm nhấn dọc các trục đường chính trong đô thị:

- Công trình thương mại cao tầng: Bố trí tại các nút giao giữa các trục đường giao thông chính của đô thị. Dự kiến xây dựng các công trình có chiều cao từ 7 đến 9 tầng có chức năng trung tâm thương mại, dịch vụ đô thị với yêu cầu về hình thức kiến trúc hiện đại đóng vai trò điểm nhấn cảnh quan cho đô thị.

- Công trình hành chính, công cộng: Cần được thiết kế đồng bộ, hiện đại, thể hiện được tính đặc trưng của địa phương, chiều cao hợp lý, có sân vườn rộng, không gian mở xung quanh, có tầm nhìn đẹp, kết hợp với các công trình xây dựng xung quanh hình thành một quần thể kiến trúc hài hòa tạo điểm nhấn không gian cảnh quan đô thị.

c) Các điểm nhấn kiến trúc cảnh quan truyền thống:

Các khu vực đình, đền, chùa, quán, miếu, giếng làng... trong đô thị đều là những quần thể công trình được xếp hạng di tích lịch sử cấp Quốc gia cần được được bảo vệ và được cải tạo chỉnh trang. Những khu vực này cùng với các diện tích sân vườn, mặt nước tự nhiên xung quanh sẽ tạo thành hệ thống điểm nhấn kiến trúc cảnh quan đẹp, hài hòa và mang lại nét riêng cho cảnh quan đô thị Phùng mở rộng.

4.3.4. Định hướng mật độ xây dựng, tầng cao công trình:

a) Định hướng tầng cao:

- Định hướng phát triển đô thị theo hướng trung tầng và thấp tầng.
- Tại các nút giao thông giữa trục Quốc lộ 32 và các trục không gian định hướng phát triển các công trình có chiều cao tạo điểm nhấn kiến trúc cho đô thị tại một số khu vực.
- Khu vực dân cư hiện hữu và nhà ở mới, khu giáo dục và thể thao phát triển thấp tầng.
- Khu vực thương mại, dịch vụ, hành chính phát triển trung tầng, kiểm soát tầng cao đồng đều theo từng khu vực.
- Tầng cao công trình sẽ được quy định cụ thể trong quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị ở giai đoạn tiếp theo.

b) Định hướng mật độ xây dựng:

- Mật độ nén, tập trung cao theo từng khu vực chức năng và mật độ thấp về các khu vực không gian cây xanh, mặt nước.
- Các khu vực điểm nút giao thông, có nhu cầu hoạt động thương mại cao, khuyến khích hợp khối, liên kết, xây dựng mật độ cao để tăng khả năng cung cấp dịch vụ công cộng, tạo thuận lợi cho người sử dụng.
- Khu vực đô thị hiện hữu: Thực hiện kiểm soát mật độ xây dựng trung bình, phù hợp với thực trạng xây dựng hiện nay, kiểm soát sự gia tăng mật độ tránh làm phá vỡ cấu trúc chung của đô thị sinh thái.
- Các khu vực phát triển mới được kiểm soát theo hướng mật độ thấp, tăng cường diện tích cây xanh.

4.4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

4.4.1. Giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

*** Đường sắt:**

- Tuyến đường sắt Quốc gia vành đai chạy dọc Vành đai 4 phía Đông Thị trấn.
- Tuyến đường sắt đô thị kết nối đô thị trung tâm với đô thị vệ tinh (tuyến đường sắt đô thị số 3 kéo dài Nhôn-Sơn Tây) đi trên cao tại dải phân cách giữa của Quốc lộ 32. Đoạn qua thị trấn Phùng bố trí 02 ga tại các khu vực tập trung đông người, trung tâm Thị trấn và có nhiều tiềm năng phát triển theo mô hình TOD.

(Các tuyến và ga đường sắt sẽ được xác định cụ thể theo dự án riêng)

*** Đường bộ:**

- Đường Vành đai 4: quy mô mặt cắt ngang rộng $B=120m$, bao gồm 6 làn xe cao tốc, đường song hành hai bên và hành lang để bố trí cây xanh, công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Quốc lộ 32: là đường trục chính của Thị trấn, quy mô mặt cắt ngang rộng $B=35m$ (4 làn xe), gồm hai dải lòng đường xe chạy mỗi bên rộng $10,5m$; dải phân cách giữa rộng $3,0m$; hè đường mỗi bên rộng $5,5m$. Khu vực nút giao Quốc lộ 32 với đường

Vành đai 4, quy mô mặt cắt ngang được mở rộng từ B=35m lên thành B=50m để xây dựng cầu vượt, nút giao khác mức với đường Vành đai 4.

- Đường trục Tây Thăng Long: quy mô mặt cắt ngang rộng B=40m (6 làn xe), gồm hai dải lòng đường xe chạy mỗi bên rộng 12,25m; dải phân cách giữa rộng 3,5m; hè đường mỗi bên rộng 6m.

- Bến xe khách liên tỉnh tại khu vực nút giao Quốc lộ 32 với đường Vành đai 4 có quy mô khoảng 8ha÷10ha.

- Xây dựng mới bến xe khách kết hợp trung chuyển xe buýt phục vụ cho thị trấn Phùng quy mô khoảng 3ha, nằm giáp phía Nam Quốc lộ 32 (thuộc xã Đồng Tháp, phía Tây Thị trấn). Bến xe Phùng hiện có chuyển đổi thành bãi đỗ xe công cộng kết hợp điểm dừng đỗ xe buýt.

b) Giao thông đối nội:

- Các tuyến đường chính khu vực:

+ Đường dọc kênh Đan Hoài kết nối Thị trấn với các xã của huyện Đan Phượng, kết nối Quốc lộ 32 với đường Tây Thăng Long. Bao gồm: Nhánh phía Tây (đường N12, N10) quy mô mặt cắt ngang rộng B=13m (gồm lòng đường xe chạy rộng 7m, hè rộng 4,5m, hè phía giáp kênh rộng 1,5m). Nhánh phía Đông: đoạn phía Bắc Quốc lộ 32 (đường N2) quy mô mặt cắt ngang rộng B=20m (gồm lòng đường xe chạy rộng 14m, hè mỗi bên rộng 3,0m); đoạn phía Nam Quốc lộ 32 (đường N13) quy mô mặt cắt ngang rộng B=13,5m (gồm lòng đường xe chạy rộng 9m, hè rộng 3,0m, hè giáp kênh rộng 1,5m). Mặt kênh Đan Hoài đoạn qua Thị trấn được kín hóa làm vườn hoa, đường đi bộ.

+ Các tuyến đường Đan Phượng-Tân Hội, đường nhánh N14, đường nối từ Quốc lộ 32 tới đường Đan Phượng-Tân Hội quy mô mặt cắt ngang rộng B=20m, gồm lòng đường xe chạy rộng 14m, hè mỗi bên rộng 3,0m.

+ Quốc lộ 32 cũ nâng cấp, cải tạo đảm bảo quy mô mặt cắt ngang B=13,5m÷16,5m, gồm lòng đường xe chạy rộng 10,5m, hè đường mỗi bên rộng 1,5m÷3,0m.

+ Đường đê Tiên Tân: mặt đê nâng cấp cải tạo Bn=9m÷11m, Bm=7m÷9m. Đoạn từ Quốc lộ 32 cũ đến đường Tây Thăng Long, xây dựng, cải tạo đường gom chân đê với quy mô B=10,5m, gồm lòng đường xe chạy rộng 7m, hè phía giáp đê rộng 0,5m, hè phía giáp khu dân cư rộng 3,0m.

- Các tuyến đường khu vực:

+ Tuyến đường chạy phía Tây UBND huyện Đan Phượng nối với đường Đan Phượng-Tân Hội quy mô mặt cắt ngang B=20m, gồm lòng đường xe chạy rộng 14m, hè đường mỗi bên rộng 3,0m.

+ Xây dựng các tuyến đường trong khu vực phát triển xây dựng mới, tuyến đường nối từ Quốc lộ 32 cũ qua khu dân cư xã Đan Phượng lên khu giáo dục tập trung quy mô mặt cắt ngang B=16m, lòng đường xe chạy rộng 7m, hè đường mỗi bên rộng 4,5m.

+ Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 32 tới đường Đan Phượng-Tân Hội qua khu vực Dự án đô thị Bình Minh giáp bến xe khách liên tỉnh quy mô mặt cắt ngang B=24m, gồm lòng đường xe chạy rộng 15m, hè đường mỗi bên rộng 4,5m.

- Các tuyến đường trong khu giáo dục tập trung, khu vực phát triển mới... sẽ được xác định cụ thể theo các đồ án quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt. Các tuyến đi qua khu dân cư hiện trạng, tuyến hiện có đã xây dựng ổn định, các tuyến đã, đang triển khai đầu tư xây dựng theo các dự án được duyệt và theo thực tế quản lý, điều kiện xây dựng hiện trạng cho phép giảm chiều rộng mặt cắt ngang, hè đường, dải phân cách, nhưng phải đảm bảo chiều rộng lòng đường, số làn xe phù hợp đối với từng cấp hạng đường.

- Các tuyến đường cấp nội bộ trong các khu xây dựng mới phải đảm bảo chiều rộng, thành phần cấu tạo theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn hiện hành. Các tuyến nội bộ trong khu vực làng xã đô thị hóa được cải tạo, mở rộng khoảng $B=5m \div 7m$ đảm bảo điều kiện giao thông thuận lợi và phòng cháy, chữa cháy.

c) Hệ thống giao thông công cộng:

Sử dụng hệ thống giao thông công cộng chung của Thành phố (hệ thống xe buýt, đường sắt đô thị), bến xe khách kết hợp làm điểm đầu cuối xe buýt ngoại thị.

d) Bãi đỗ xe:

Chỉ tiêu tính toán điểm đỗ xe công cộng từ $3,0m^2 \div 4,0m^2$ đất đỗ xe/người. Bố trí 8 bãi đỗ xe tập trung phục vụ nhu cầu đỗ xe vắng lái, tổng diện tích khoảng 1,95ha.

đ) Nút giao thông:

Xây dựng nút giao thông khác mức liên thông giữa Quốc lộ 32 và đường Vành đai 4. Các nút giao khác trong khu vực thị trấn Phùng tổ chức giao bằng.

e) Chỉ giới đường đỏ:

Các tuyến đường trong quy hoạch thị trấn Phùng chỉ xác định về cấp hạng, quy mô, hướng tuyến. Chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường sẽ được xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch chi tiết hoặc dự án riêng. Các tuyến đường giao thông sẽ được từng bước tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức cắm mốc giới theo quy định tại Quyết định số 82/2014/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND Thành phố.

4.4.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

Khu vực ngoài đê sông Đáy (đê Tiên Tân), giữ nguyên cao độ hiện trạng các khu vực đã xây dựng, cao độ khống chế $\geq +8,50m \div 9,80m$.

Khu vực trong đê sông Đáy (đê Tiên Tân), khu dân cư hiện trạng và khu vực phát triển xây dựng mới thị trấn Phùng có cao độ khống chế $\geq +8,50m$.

b) Thoát nước mưa:

Mạng lưới thoát nước của khu vực dân cư làng xóm hiện trạng sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng.

Khu vực xây dựng mới và khu vực phát triển đô thị xây dựng hệ thống thoát nước mưa là hệ thống riêng với nước thải.

Khu vực trong đê sông Đáy được thoát nước ra kênh Đan Hoài, khu vực ngoài đê được thoát nước trực tiếp ra sông Đáy.

Kênh chính Đan Hoài hiện có được chuyển chức năng từ tưới sang tiêu để thoát nước cho khu vực trong đê. Xây dựng kênh tưới Đan Hoài thay thế qua khu vực phát triển đô thị của thị trấn Phùng ở phía Đông Thị trấn.

Hệ thống cống và rãnh thoát nước mưa có tiết diện $D600\text{mm} \times D1500\text{mm}$; $B \times H = (0,4 \times 0,6)\text{m} \times (3 \times 2,5)\text{m}$ xây dựng dọc theo các tuyến đường quy hoạch để thoát ra tuyến kênh Đan Hoài và sông Đáy.

4.4.3. Cấp nước:

- Nguồn cấp: Thị trấn Phùng được cấp nước từ Nhà máy nước mặt sông Hồng, Nhà máy nước mặt sông Đà thông qua hệ thống cấp nước tập trung của Thành phố từ tuyến cấp nước truyền dẫn $D600\text{mm}$ quy hoạch trên Quốc lộ 32.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Xây dựng tuyến ống cấp nước truyền dẫn $D600\text{mm}$ dọc theo Quốc lộ 32 đảm bảo cấp nước cho thị trấn Phùng và khu vực xung quanh phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng.

+ Xây dựng mạng lưới đường ống phân phối $D100\text{mm} \times D300\text{mm}$ bố trí dọc các tuyến đường phân khu vực, được đầu nối với mạng lưới truyền dẫn bằng các điểm đầu thích hợp và được phân chia thành nhiều khu vực nhỏ có mạng phân phối độc lập với cấu trúc theo dạng mạch vòng đảm bảo cấp nước tới các ô quy hoạch trong Thị trấn.

- Cấp nước chữa cháy:

+ Các họng cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới cấp nước có đường kính từ $\Phi 100$ trở lên thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy. Khoảng cách các họng cứu hỏa trên mạng lưới được bố trí theo quy định hiện hành. Vị trí của các họng cứu hỏa sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và thiết kế mạng lưới cứu hỏa của khu vực được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Ngoài các họng cứu hỏa cần bố trí thêm các hồ lấy nước mặt phục vụ cứu hỏa tại khu vực các hồ điều hoà, kênh mương theo quy hoạch để tăng cường khả năng phục vụ phòng cháy, chữa cháy cho khu vực.

4.4.4. Cấp điện và chiếu sáng đô thị:

** Nguồn cao thế và mạng lưới cao thế:*

Nguồn cao thế: Thị trấn Phùng được cấp nguồn từ các trạm 110/22KV gồm trạm 110/22KV Phùng công suất 2x63MVA (nằm trong Quy hoạch phân khu đô thị S2 đã được duyệt); Trạm 110/22KV Thị trấn Phùng với công suất 2x40MVA. Trong giai đoạn trước mắt sử dụng nguồn từ trạm 110/22KV Phúc Thọ và trạm Chèm.

Cải tạo nâng cấp tuyến 110KV Phúc Thọ - Chèm hiện có. Đoạn nằm trong khu vực phát triển đô thị sẽ di chuyển hạ ngầm. Đoạn ngoài khu vực phát triển đô thị, tùy theo từng trường hợp cụ thể có thể nâng cột, sử dụng cột trụ đảm bảo mỹ quan.

Vị trí trạm biến áp và tuyến đường dây cao thế sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn triển khai dự án đầu tư xây dựng.

** Mạng trung thế:*

Từng bước cải tạo lưới điện trung thế 35KV và 10KV hiện có về cấp điện áp 22KV và hạ ngầm dọc theo hành lang các tuyến đường quy hoạch trong khu vực thị trấn Phùng.

Xây mới các tuyến cáp ngầm 22KV trên các tuyến đường phân khu vực cấp điện cho khu vực thị trấn Phùng và khu vực phụ cận. Kết cấu lưới trung thế thiết kế theo mạch vòng vận hành hở.

** Các trạm biến áp phân phối 22/0,4KV:*

Các trạm biến áp phân phối xây dựng mới trong thị trấn Phùng sử dụng loại trạm kín kiểu kiốt hoặc trạm xây.

Các trạm biến áp phân phối hiện có sử dụng cấp điện áp 35(10)/0,4KV sẽ được cải tạo thay thế về cấp điện áp 22/0,4KV.

Vị trí, quy mô công suất các trạm phân phối sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn đầu tư.

Hệ thống lưới điện 0,4KV hiện có sẽ được cải tạo và hạ ngầm theo các tuyến đường quy hoạch trong khu vực Thị trấn.

Chiếu sáng đô thị: Chiếu sáng bằng đèn cao áp, hệ thống điện chiếu sáng đường được điều khiển tự động. Vị trí tủ điều khiển đặt tại trạm biến áp.

4.4.5. Thông tin liên lạc:

Nguồn cấp thông tin liên lạc cho thị trấn Phùng là từ tổng đài vệ tinh thị trấn Phùng hiện có 1.024 lines và sẽ nâng công suất lên 15.000 lines.

Xây dựng các tuyến cáp quang, cáp trục trên các tuyến đường quy hoạch đảm bảo đầu nối cung cấp dịch vụ cho các ô quy hoạch.

Tổ chức mạng thông tin liên lạc thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống hiện có để đáp ứng chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu, truy nhập Internet và mạng truyền thanh, truyền hình.

Triển khai mạng dịch vụ truyền hình cung cấp tới từng đơn vị sử dụng qua mạng cáp truyền hình hoặc đầu thu tín hiệu.

Tăng dung lượng các tuyến cáp quang hiện có để tăng dung lượng truyền dẫn liên tỉnh, nội hạt và xây dựng mới các tuyến cáp quang đến tất cả các xã để đáp ứng các nhu cầu ứng dụng CNTT, các dịch vụ băng rộng đến toàn bộ Thị trấn.

Phát triển truy nhập Internet băng rộng theo 2 phương thức qua mạng cáp nội hạt và vô tuyến theo công nghệ thế hệ mới NGN.

4.4.6. Thoát nước thải và Vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

Đối với khu vực đô thị và khu vực xây dựng mới, xây dựng mạng lưới thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước mưa và nước thải.

Đối với khu vực làng xóm dân cư hiện có, xây dựng mạng lưới thoát nước chung nửa riêng với nước mưa.

Nước thải các cụm công nghiệp tập trung được xử lý triệt để đảm bảo yêu cầu trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước thải chung của khu vực.

Công thoát nước thải có tiết diện D300mm đến D400mm xây dựng trên hệ đường quy hoạch thu gom nước thải từ công trình hai bên kết hợp trạm bơm chuyển bậc công suất 1.500m³/ngđ thoát về trạm xử lý nước thải tập trung của Thị trấn.

Xây dựng Trạm xử lý nước thải cho thị trấn Phùng có công suất khoảng $4.200\text{m}^3/\text{ng.đ}$, diện tích trạm khoảng 4.000m^2 .

b) Chất thải rắn:

Rác thải cần được phân loại ngay tại nguồn: nhóm các chất có thể thu hồi tái sử dụng, tái chế và nhóm các chất phải xử lý chôn lấp hoặc tiêu huỷ theo quy định.

Đối với khu vực xây dựng nhà cao tầng phải có hệ thống thu gom chất thải rắn thải từ trên cao xuống bể chất thải rắn cho từng đơn nguyên.

Đối với khu vực xây dựng nhà thấp tầng: Được thu gom và vận chuyển hàng ngày về các điểm tập kết chất thải rắn cố định và được vận chuyển đến trạm trung chuyển chất thải rắn có diện tích khoảng 1,0ha bố trí tại khu vực Tây Bắc của Thị trấn.

Với các nơi công cộng như khu vực công viên cây xanh, đường trục chính... đặt các thùng chất thải rắn nhỏ có nắp kín dung tích tối thiểu là 100lít, khoảng cách 100m/thùng.

Rác thải trong khu vực sẽ được đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý rác thải được xây dựng tại xã Phương Đình, huyện Đan Phượng với công suất 150 tấn/ngày.

c) Nghĩa trang và Nhà tang lễ:

Nhu cầu an táng mới của Thị trấn được giải quyết tại nghĩa trang tập trung của Huyện xây dựng mới tại xã Hồng Hà theo quy hoạch nghĩa trang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đối với các nghĩa trang hiện có được khoanh vùng không mở rộng và tổ chức lại khang trang, sạch sẽ, tiết kiệm đất và phải có hành lang cây xanh cách ly, hệ thống xử lý kỹ thuật đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường (không được hung táng mới).

Xây dựng cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Mả Đa ở phía Tây Thị trấn (ngoài đê sông Đáy) để giải quyết nhu cầu an táng của Thị trấn khi nghĩa trang của huyện Đan Phượng chưa được đầu tư xây dựng.

4.5. Đánh giá môi trường chiến lược:

Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường cần áp dụng gồm:

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: Tạo hành lang bảo vệ sông, hồ. Cấm mọi hình thức xả thải không qua xử lý trực tiếp ra nguồn.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn: Trồng cây xanh cách ly quanh khu vực bến xe, trạm xử lý nước thải, các cụm công nghiệp,...

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất: Sử dụng đất một cách hợp lý, theo từng kế hoạch sử dụng đất được UBND Thành phố phê duyệt.

- Giảm thiểu ảnh hưởng tai biến môi trường; Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường.

- Các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Huyện phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

4.6. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

- Các dự án cải tạo, chỉnh trang HTKT, HTXH, Trung tâm hành chính Huyện, các khu vực làng xóm đô thị mới.

- Khu giáo dục tập trung, khu dân cư đô thị mới.

- Khu vực phát triển công nghiệp mới.

Nguồn lực thực hiện: Vốn ngân sách và các nguồn vốn khác.

4.7. Quy định quản lý:

Việc quản lý quy hoạch đô thị, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng công trình cần tuân thủ Quy hoạch chung thị trấn Phùng và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung thị trấn Phùng đến năm 2030, tỷ lệ 1/5.000 được ban hành kèm theo hồ sơ quy hoạch này. Ngoài ra còn phải tuân thủ quy định của luật pháp và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố; Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai quy hoạch xây dựng có thể áp dụng các tiêu chuẩn, quy phạm nước ngoài và phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung thị trấn Phùng, tỷ lệ 1/5000 phù hợp với nội dung Quyết định này; lưu trữ hồ sơ đồ án Quy hoạch theo quy định.

- UBND huyện Đan Phượng chủ trì phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Viện Quy hoạch và Kiến trúc Đô thị - Trường Đại học Xây dựng, UBND thị trấn Phùng tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung thị trấn Phùng, tỷ lệ 1/5000 được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân được biết, thực hiện.

- UBND huyện Đan Phượng, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch, xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND huyện Đan Phượng xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện Quy hoạch chung thị trấn Phùng được duyệt theo tiến độ và trình tự ưu tiên của từng giai đoạn, chịu trách nhiệm đảm bảo kế hoạch triển khai những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Đan Phượng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với định hướng của Quy hoạch chung thị trấn Phùng được duyệt.

- UBND huyện Đan Phượng chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc trên cơ sở nhu cầu của địa phương, lập quy hoạch và dự án đầu tư xác định quy mô diện tích, vị trí quỹ nhà ở xã hội, quỹ nhà ở tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

- UBND huyện Đan Phượng tổ chức lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu vực theo yêu cầu phát triển, quản lý đô thị và đầu tư xây dựng phục vụ cấp phép xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch xây dựng của địa phương trên cơ sở Quy hoạch chung thị trấn Phùng được duyệt đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Du lịch; Bộ Tư lệnh Thủ đô, Công an Thành phố; Chủ tịch UBND huyện Đan Phượng; Chủ tịch UBND thị trấn Phùng; Thủ trưởng các Sở, Ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Thành ủy; TT HĐND TP; (đề b/c)
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- VPUB: Các PCVP; các phòng CV;
- Lưu: VT, QH(năng).

